

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09/8/2023

“*V/v ly hôn, nuôi con*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tạ Thị Hải

2. Bà Võ Thị Phương Linh

-Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2023/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Buôn P, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Siu Điêng, sinh năm 1964

Địa chỉ: Buôn P, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

-Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Siu Đ qua thời gian tìm hiểu, xuất phát từ tình cảm yêu thương nhau và về chung sống với nhau từ năm 2005, không tổ chức đám cưới theo phong tục, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên vì con nên các bên cũng cố gắng để hàn gắn và cố gắng duy trì hôn nhân. Từ năm 2016 thì

mâu thuẫn xảy ra gay gắt, nguyên nhân do ông Siu Đ ngoại tình và thường xuyên đánh đập bà và cũng từ đó vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Để ổn định cuộc sống, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Siu Đ.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Siu Đ có 02 con chung gồm Siu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 15/3/2006 và Siu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 21/11/2007. Khi ly hôn, nguyện vọng của bà là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Siu Đ trình bày ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân*: Ông và bà Nguyễn Thị Kim H qua thời gian tìm hiểu, xuất phát từ tình cảm yêu thương nhau và về chung sống với nhau từ năm 2005, không tổ chức đám cưới theo phong tục, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ năm 2006 – 2008 nguyên nhân do bà H chơi bời, cờ bạc, tự ý bán tài sản trong gia đình. Tôi đã tha thứ mong bà H thay đổi để quay về lo cho con cái nhưng bà H không có sự thay đổi, cuộc sống của vợ chồng không có hạnh phúc, bà H gây ra rất nhiều nợ nần. Đến năm 2016, bà H tiếp tục chơi bời, thì ông Đ bức xúc đuổi bà H ra khỏi nhà, đến năm 2017 bắt đầu chính thức sống ly thân. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung gồm Siu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 15/3/2006 và Siu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 21/11/2007. Tùy theo nguyện vọng của con, nếu các con muốn ở với bà H thì ông cũng đồng ý giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Đ không cấp dưỡng

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến sau phân tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng các Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS và các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xứ không công nhận bà Nguyễn Thị Kim H và ông Siu Đ là vợ chồng.

- *Về con*: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Siu Đ có 02 con chung gồm Siu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 15/3/2006 và Siu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 21/11/2007. Bà H có

nguyện vọng nuôi cả 02 con chung, xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự và phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên, nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

-Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

-Về án phí : Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện bị đơn ông Siu Đ có nơi cư trú tại xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Krông Pa thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Siu Đ đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2005, không có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong việc tạo dựng hạnh phúc gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Ngày 02/6/2023 Tòa án đã tiến hành xác minh tại Buôn P, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai thì được biết cuộc sống chung của bà H và ông Đ xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp; đã sống ly thân một thời gian dài.

Ngày 24/4/2023 có văn bản cung cấp tài liệu, chứng cứ của Ủy ban nhân dân xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai, là nơi bà Nguyễn Thị Kim H và ông Siu Đ đã và đang sinh sống về việc có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hay không. Kết quả cung cấp cho thấy bà Nguyễn Thị Kim H và ông Siu Đ sống chung không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này”.

Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con”.

Như vậy, bà H và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Đ là không hợp pháp nên phải được giải quyết bằng bản án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông Đ là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3.2] *Về con:* Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Siu Đ có 02 con chung gồm Siu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 15/3/2006 và Siu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 21/11/2007. Bà H có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung, đây là sự tự nguyện của đương sự cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, nên HĐXX chấp nhận.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tòa án đã giải thích về quyền của người trực tiếp nuôi con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, ông Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] *Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản:* Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Siu Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Siu Đ.

- *Về con:* Giao 02 con chung Siu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 15/3/2006 và Siu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 21/11/2007 cho bà Nguyễn Thị Kim H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- *Về cấp dưỡng:* Ông Siu Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu ông Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Hoa có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Đ.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Siu Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001825 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (09/8/2023) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Gia Lai(01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (02 bản).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Dung

